TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận S, ngày 30 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 143; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) Ông Trần Minh T1, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: Số 151 Huỳnh Mẫn Đ, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Bà Bùi Thị Thanh T2, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Số 151 Huỳnh Mẫn Đ, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S cấp ngày 11/12/2013 cho bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 01 năm 2023, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 thuận tình ly hôn và thỏa thuận các nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 có 03 (ba) con chung là Trần Thị Trang T3, giới tính: Nữ, sinh ngày 06/11/2016; Trần Minh K, giới tính: Nam, sinh ngày 16/9/2018 và Trần Bảo N, giới tính: Nữ, sinh ngày 21/02/2022, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 thỏa thuận giao con chung cho cha là ông Trần Minh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông Trần Minh T1 tự nguyện không yêu cầu bà Bùi Thị Thanh T2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy, việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận giữa bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 có 03 (ba) con chung là Trần Thị Trang T3, giới tính: Nữ, sinh ngày 06/11/2016; Trần Minh K, giới tính: Nam, sinh ngày 16/9/2018 và Trần Bảo N, giới tính: Nữ, sinh ngày 21/02/2022, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 thỏa thuận giao con chung cho cha là ông Trần Minh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông Trần Minh T1 tự nguyện không yêu cầu bà Bùi Thị Thanh T2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 tự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 đã tạm nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0010441 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Trần Minh T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận S;
- Chi Cục THADS Quận S;
- UBND Phường M, Quận S (Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2013, quyển số 01/2013 cấp ngày 11/12/2013);
- Lưu: VP, Hồ sơ.

Lê Thị Linh Sương